| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>PHƯỜNG TÂN GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 143 /TB-UBND | *Tân Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2026* |

# THÔNG BÁO

**Về việc tổ chức di dời 37 mộ chưa có thân nhân nhận khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Tổng Công ty khoáng sản - Vinacomin đạt 350.000 tấn/năm; Hạng mục: Khai trường Khu bắc mỏ sắt Nà Rụa (giai đoạn 1)**

Căn cứ Kế hoạch số 317/KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng về Kế hoạch Thu hồi đất, bồi thường và tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Tổng Công ty khoáng sản - Vinacomin đạt 350.000 tấn/năm; Hạng mục: Khai trường Khu bắc mỏ sắt Nà Rụa (giai đoạn 1).

Ủy ban nhân dân (UBND) phường Tân Giang đã tổ chức thực hiện việc thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản của các hộ gia đình bị ảnh hưởng trong phạm vi dự án.

Trong quá trình thực hiện, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đã Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc tìm thân nhân các ngôi mộ nằm trong phạm vi dự án để thực hiện kê khai, kiểm đếm, di dời theo quy định; đồng thời UBND phường Tân Giang đã ban hành Thông báo số 22/TB-UBND và Thông báo số 99/TB-UBND về nội dung nêu trên, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay vẫn còn **37 ngôi mộ chưa có thân nhân đến nhận.**

Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra, UBND phường Tân Giang thông báo như sau:

**1. Tổ chức di dời mộ:** UBND phường Tân Giang sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành di dời 37 ngôi mộ chưa có thân nhân nhận đến nơi tái an táng mộ mới thuộc phường Nùng Trí Cao.

**2. Thời gian dự kiến thực hiện di dời:** Từ ngày 15 tháng 5 năm 2026 đến hết ngày 18 tháng 5 năm 2026.

**3. Địa điểm thực hiện di dời:** Khu vực của 37 ngôi mộ tại ngã tư (ngã tư đồi mả) thuộc tổ 3 phường Tân Giang gần Nhà văn hóa tổ 09 (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 34).

**4. Địa điểm tái an táng:** Khu tái an táng mộ thuộc phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng.

**5. Tổ chức thực hiện:** Trong thời gian từ khi Thông báo này đến trước thời điểm tổ chức di dời, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có thân nhân) khẩn trương liên hệ kê khai theo quy định ***(Thông tin liên hệ: Ông Hoàng Văn Xuân - Viên chức BQLDA phường Tân Giang – SĐT: 0348.378.988).***

Quá thời hạn nêu trên, nếu không có thân nhân nào đến nhận, UBND phường Tân Giang sẽ tổ chức di dời theo kế hoạch.

UBND phường Tân Giang thông báo đến nhân dân các xã, phường, trong và ngoài tỉnh Cao Bằng được biết và phối hợp thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

*(Có danh sách chi tiết các ngôi mộ kèm theo Thông báo này).*

***Nơi nhận:***
- CT, các PCT UBND phường (B/c);
- Văn phòng HĐND và UBND phường;
- Các Xã, Phường trong và ngoài tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Phòng VH-XH phường;
- Trung Tâm DVTH phường;
- Các ngành, đoàn thể phường (phối hợp tuyên truyền);
- Công ty CP Gang thép Cao Bằng;
- Bí thư, Tổ trưởng các tổ trên địa bàn phường Tân Giang (Niêm yết tại nhà văn hoá + tuyên truyền);
- Lưu: BQLDA.

**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D PHƯỜNG TÂN GIANG T. CAO BẰNG

**Nguyễn Minh Châu**

# DANH SÁCH CHI TIẾT CÁC NGÔI MỘ

*(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND phường Tân Giang)*

| STT | Thông tin | Loại mộ | Số tờ | Số thửa | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Mộ số 05: Tên bia mộ Đặng Hoàng Tuyến sinh năm 1973 - mất năm 2018 | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 2 | Mộ số 12: Tên bia mộ Nông Thị Mai<br>sinh năm 1969 - mất năm 1990;<br>Quê quán: Tân An - Cao Bằng | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 3 | Mộ số 14: Tên bia mộ Tô Thị Yên<br>sinh năm 1927 - mất năm 1992;<br>Quê quán: Lương Can - Thông Nông - Cao Bằng | Mộ xây | 34 | 66 | |
| 4 | Mộ số 17: Tên bia mộ<br>Chu Văn Tâm<br>sinh năm 1968 - mất năm 2008;<br>Quê quán: Bản Bó - Phù Ngọc - Hà Quảng - Cao Bằng | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 5 | Mộ số 18: Tên bia mộ<br>Dương Văn Rình<br>sinh năm 1912 - mất năm 1973;<br>Quê quán: Quốc Toản - Trà Lĩnh - Cao Bằng | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 6 | Mộ số 42: Tên bia mộ Vũ Lê Thu | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 7 | Mộ số 84: Tên bia mộ Đặng Thị Huyền<br>sinh năm 1980 - mất năm 1982 | Mộ xây | 34 | 66 | |

| STT | Thông tin | Loại mộ | Số tờ | Số thửa | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Mộ số 85: Tên bia mộ<br>Hoàng Văn Thạch<br>sinh năm 1912 - mất năm 1982;<br>Quê quán: Thang Ly - Đình Minh - Trùng Khánh - Cao Bằng | Mộ xây | 34 | 66 | |
| 9 | Mộ số 89: Tên bia mộ Hoàng Sằn Pảu<br>sinh năm 1942 - mất năm 1994;<br>Quê quán: Thang Ly - Đình Minh - Trùng Khánh - Cao Bằng | Mộ xây | 34 | 66 | |
| 10 | Mộ số 105: Tên bia mộ<br>Trần Thị Điều<br>sinh năm 1939;<br>Quê quán: Nà Đắng - Hạ Lang - Cao Bằng | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 11 | Mộ số 107: Tên bia mộ<br>Phạm Ngọc Minh<br>sinh năm 1920 mất năm 1987;<br>Quê quán: Nghĩa Dân - Kim Động - Hưng Yên | Mộ xây | 34 | 66 | |
| 12 | Mộ số 109: Tên bia mộ<br>Nông Thế Thông<br>sinh năm 1967 - mất năm 2003;<br>Quê quán: Tân An - Cao Bằng | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 13 | Mộ số 110: Tên bia mộ<br>Nông Thế Chân<br>sinh năm 1928 - mất năm 1985;<br>Quê quán: Chí Viễn - Trùng | Mộ xây | 34 | 66 | |

| STT | Thông tin | Loại mộ | Số tờ | Số thửa | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | Khánh - Cao Bằng | | | | |
| 14 | Mộ số 111: Tên bia mộ<br>Mai Thị Nuôi<br>sinh năm 1991 mất năm 1999;<br>Quê quán: Tiền Hải - Thái Bình | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 15 | Mộ số 117: Tên bia mộ<br>Vũ Văn Bờ<br>mất năm 1986;<br>Quê quán: Hải Dương | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 16 | Mộ số 118: Tên bia mộ<br>Tô Viết Tiến<br>sinh năm 1953 - mất năm 1986;<br>Quê quán: Lương Can - Thông Nông - Cao Bằng | Mộ xây | 34 | 66 | |
| 17 | Mộ số 120: Tên bia mộ Nguyễn Văn Khuynh sinh năm 1908 - mất năm 1979;<br>Quê quán: Tiền Hải - Thái Bình | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 18 | Mộ số 129: Tên bia mộ<br>Triệu Việt Hùng<br>sinh năm 1951 - mất năm 2006 | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 19 | Mộ số 136: Tên bia mộ<br>Thân mẫu cụ: Nông Văn Hựu<br>sinh năm 1840 - mất năm 1870;<br>Quê quán; Thạch An - Cao Bằng | Mộ đất | 34 | 66 - A | |
| 20 | Mộ số 02: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |

| STT | Thông tin | Loại mộ | Số tờ | Số thửa | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Mộ số 03: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 22 | Mộ số 08: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 23 | Mộ số 09: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 24 | Mộ số 10: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 25 | Mộ số 11: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 26 | Mộ số 27: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 27 | Mộ số 28: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 28 | Mộ số 29: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 29 | Mộ số 43: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 30 | Mộ số 44: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 31 | Mộ số 86: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 32 | Mộ số 87: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 33 | Mộ số 95: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 34 | Mộ số 97: Không có bia mộ | Mộ đất | 34 | 66 | |
| 35 | Mộ số 100: Không có bia mộ | Mộ xây | 34 | 66 | |
| 36 | Mộ số 101: Không có bia mộ | Mộ xây | 34 | 66 | |
| 37 | Mộ số 102: Không có bia mộ | Mộ xây | 34 | 66 | |